

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN - TÀI VỤ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 02 NĂM 2015

*BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220,368,717,864	204,148,425,177
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		148,204,931,951	144,159,013,233
Tiền	111		37,856,348,618	33,943,506,384
Các khoản tương đương tiền	112		110,348,583,333	110,215,506,849
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121			
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21,936,262,292	18,650,980,811
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		11,958,618,021	10,853,448,772
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		899,563,500	30,000,000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		10,327,287,672	10,000,000,000
Phải thu ngắn hạn khác	136		3,553,476,448	2,670,215,388
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4,802,683,349)	(4,902,683,349)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		27,902,193,547	27,796,557,392
Hàng tồn kho	141		28,263,648,696	29,252,873,808
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(361,455,149)	(1,456,316,416)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22,325,330,074	13,541,873,741
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5,503,092,940	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		16,822,237,134	13,541,873,741
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128,192,753,848	128,456,517,333
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		49,998,133,802	58,999,011,273
Tài sản cố định hữu hình	221		49,686,467,136	58,659,011,273
Nguyên giá	222		104,081,599,222	119,813,303,767
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54,395,132,086)	(61,154,292,494)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		311,666,666	340,000,000
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28,333,334)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

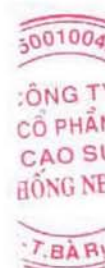
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		51,102,564,208	42,291,884,185
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		682,843,977	457,474,841
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		50,419,720,231	41,834,409,344
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		26,811,175,704	26,811,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		280,880,134	354,446,171
Chi phí trả trước dài hạn	261		280,880,134	354,446,171
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		348,561,471,712	332,604,942,510
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		50,174,657,301	30,901,341,936
I. Nợ ngắn hạn	310		50,174,657,301	30,901,341,936
Phải trả người bán ngắn hạn	311		22,038,958,712	2,348,150,876
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		632,600,000	1,551,690,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		190,324,314	2,030,288,095
Phải trả người lao động	314		1,610,064,084	6,574,982,694
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		21,132,900,064	14,405,535,519
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		1,870,745,482	1,410,984,366
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	247,426,902
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2,699,064,645	2,332,283,484
Quỹ bình ố giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

N.3
C
T
A RI A

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		298,386,814,411	301,703,600,574
I. Vốn chủ sở hữu	410		298,386,814,411	301,703,600,574
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b			
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		88,842,395,456	85,228,102,372
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17,044,418,955	23,975,498,202
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8,720,090,768	23,975,498,202
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8,324,328,187	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		348,561,471,712	332,604,942,510



Uea

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập biểu

nhuol

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

Lê Văn Lợi

LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, P. Phước Hưng, TP. Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	Thuyết minh	Quý 02 năm 2015		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24,666,345,286	25,255,437,098	39,917,061,186	30,864,660,946
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần	24,666,345,286	25,255,437,098	39,917,061,186	30,864,660,946
11	Giá vốn hàng bán	24,230,730,331	25,330,719,052	39,089,257,481	30,296,012,080
20	Lợi nhuận gộp	435,614,955	(75,281,954)	827,803,705	568,648,866
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1,685,405,708	7,635,709,094	2,402,643,266	8,709,940,546
22	Chi phí tài chính	-	-	-	-
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	-	-	-	-
24	Chi phí bán hàng	28,942,680	74,309,134	39,742,680	93,895,743
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,574,345,484	2,817,817,923	5,006,677,397	4,572,369,500
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1,482,267,501)	4,668,300,083	(1,815,973,106)	4,612,324,169
31	Thu nhập khác	14,698,352,709	10,692,149,220	23,884,102,709	10,879,616,028
32	Chi phí khác	10,100,989,123	2,225,620,915	11,847,935,794	2,304,175,636
40	Lợi nhuận khác	4,597,363,586	8,466,528,305	12,036,166,915	8,575,440,392
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,115,096,085	13,134,828,388	10,220,193,809	13,187,764,561
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	287,451,414	1,912,640,205	1,895,865,622	1,924,947,504
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,827,644,671	11,222,188,183	8,324,328,187	11,262,817,057
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	147	503	432	585
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	147	560	432	585

Chức
NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

nhuông
NGUYỄN HỮU MẠNH NHUÔNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 20 tháng 07 năm 2015

A-VI
1-1-2015
134C

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		10,220,193,809	13,187,764,561
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		2,882,059,147	3,445,737,217
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(1,194,861,267)	1,043,240,423
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16,200,951,398)	(17,206,755,631)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		(4,293,559,709)	469,986,570
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(6,865,644,874)	13,835,495,236
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		763,855,976	11,705,750,844
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		21,212,596,110	(5,416,305,811)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(5,429,526,903)	(6,467,400,763)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3,346,727,061)	(1,316,303,135)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2,282,930,000)	(6,068,530,374)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(241,936,461)	6,742,692,567
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(8,685,038,161)	(3,398,361,708)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		20,080,732,179	10,496,085,418
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,323,272,261	8,547,968,324
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13,718,966,279	15,645,692,034
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,431,111,100)	(26,959,649,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9,431,111,100)	(26,959,649,000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		4,045,918,718	(4,571,264,399)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		144,159,013,233	139,520,497,552
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		148,204,931,951	134,949,233,153

Chức vụ



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯÔNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 02 Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 30/12/2013, vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

+Nông Trường Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+Nhà máy CBM Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

+Nhà máy CBM Cao Su Phong Phú - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+Nhà máy CBTACN Hưng Long – P.Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

+Xi nghiệp CBNS Phước Hưng – P.Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015 hàng năm;
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn từ 3 tháng trở xuống, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ, cụ thể như sau:

- **Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:**
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.



- *Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi:*

Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08
Vườn cây cao su	06 - 20

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản vô hình của công ty hiện có là Phần mềm quản lý đất đai và vườn cây cao su. Phần mềm này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay này liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hoá.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 5 đến 20 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ phiếu quỹ : Khi mua lại cổ phiếu do công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả ngắn hạn khi được công bố

Cổ tức được trả cho cổ đông bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;

13. Trích lập các quỹ:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty như sau:

Các quỹ	Mục đích	Tỷ lệ lập từ lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư ...	15%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng và nâng cao đời sống cho người lao động...	15%

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

00
T
H
S
N
R
1

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Công ty chỉ gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

024
Y
V
J
AT
"VU"

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo bộ phận kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

21. Bên liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	1,217,471,823	2,188,772,225
- Tiền gửi ngân hàng	36,638,876,795	31,754,734,159
- Các khoản tương đương tiền	110,348,583,333	110,215,506,849
Cộng	148,204,931,951	144,159,013,233

a) Chi tiết tiền mặt tại quỹ	VND	Ngoại tệ	Cộng
Văn phòng công ty	826,455,940		826,455,940
NTCS Hòa Bình 2	81,690,167		81,690,167
XDCB NTCS Hòa Bình 2	14,846,435		14,846,435
NTCS Phong Phú	1,313,620		1,313,620
XDCB NTCS Phong Phú	2,000,000		2,000,000
Nhà máy SCCS Bầu Non	75,102,208		75,102,208
Nhà máy SCCS Phong Phú	913,119		913,119
Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	215,150,334		215,150,334
Cộng	1,217,471,823	-	1,217,471,823

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT TP. Vũng tàu	13,505,053,761	53,715,548	13,558,769,309
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	4,593,984,392		4,593,984,392
Maritime Bank - PGD Bà Rịa	17,470,540,894		17,470,540,894
VietinBank - PGD Bà Rịa	1,015,582,200		1,015,582,200
Cộng	36,585,161,247	53,715,548	36,638,876,795

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	110,348,583,333	110,215,506,849
Cộng	110,348,583,333	110,215,506,849

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn		10.327.287.672		10.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng		10.327.287.672		10.000.000.000
b2) Dài hạn				

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác)	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26,811,175,704		26,811,175,704	26,811,175,704		26,811,175,704

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1,796,000 USD tương đương với 26,811,175,704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	11,954,423,271	10,797,410,482
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4,219,180,000	4,219,180,000
Công ty TNHH Ngân Phong Phú		9,628,290
Công ty TNHH SX TM DV Lộc Phát	2,685,428,000	
Công ty TNHH TM-DV Hai Sơn	5,981,705	484,314,875
Công ty TNHH SX TM Hoa Sen Vàng	169	
Công ty Cổ phần Long Sơn	1,236,360,302	1,080,729,302
DNTN TM Tuyết Sơn	141,584,000	74,212,000
Công ty TNHH MTV Phạm Công Bình		85,844,000
Công ty TNHH Thành Lợi	1,712,711,166	2,812,711,166
Các khách hàng là Đại lý bán cám	1,953,177,929	2,030,790,849
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4,194,750	56,038,290
Châu Thị Hồng Diệp	4,194,750	56,038,290
Cộng	11,958,618,021	10,853,448,772



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

4. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	899,563,500	30,000,000
Công ty CP TV ĐT XD Tổng Hợp tỉnh BRVT	30,000,000	30,000,000
Cao Thị Nghĩa	67,900,000	
Công ty TNHH SX TM DV Như Thịnh	123,881,000	
Công ty TNHH MTCL Sài Gòn	148,582,500	
Công ty CP Đất Đỏ	529,200,000	
<i>b. Trả trước cho người bán dài hạn</i>	-	-
<i>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	-	-
Cộng	899,563,500	30,000,000

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	3,553,476,448	417,820,000	2,670,215,388	517,820,000
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	417,820,000	417,820,000	517,820,000	517,820,000
Bảo hiểm người lao động	746,486,971		261,471,515	
Trợ cấp ốm đau, thai sản	23,357,727		8,223,209	
Lãi tiền gửi phải thu			596,500,000	
Phụ cấp HĐQT & Ban KS	42,500,000		274,500,000	
Thuế TNCN phải thu	164,617,658		86,318,083	
Tiền tạm ứng CB.CNV	217,009,953		141,139,933	
Tiền ký quỹ	155,000,000		485,000,000	
Tạm ứng tiền lương	1,779,684,139		-	
Phải thu khác	7,000,000		58,020,500	
BHXH tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			241,222,148	
<i>b) Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	3,553,476,448	417,820,000	2,670,215,388	517,820,000

6. Dự phòng phải thu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	4,802,683,349	4,902,683,349
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4,637,000,000	4,737,000,000
Mai công Bài	3,766,470	3,766,470
Nguyễn Thị Sáu	4,231,308	4,231,308
Nguyễn Văn Phước	6,550,000	6,550,000
Lê Thị Mùi	94,290,000	94,290,000
Lê Thị Trúc Lệ	18,214,571	18,214,571
Lê Văn Tuy	16,500,000	16,500,000
TT Khuyến nông	2,496,000	2,496,000
Nguyễn Thanh Quang	19,635,000	19,635,000
<i>b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</i>	-	-
<i>c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan</i>	-	-
Cộng	4,802,683,349	4,902,683,349

350
C
C
C
TH
RIA-7

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
Cộng				

8. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Đại lý thức ăn gia súc	1,953,177,929	472,725,090	2,030,790,849	543,788,010	Nợ quá hạn
Trong đó đối tượng chiếm trên 10% tổng số nợ					
<i>Nguyễn Thị Hồng Phượng</i>	<i>277,776,700</i>		<i>277,776,700</i>		<i>Trên 1 năm</i>
<i>Ngô Văn Bu</i>	<i>542,712,200</i>		<i>542,712,200</i>		<i>Trên 1 năm</i>
<i>Dương Văn Lợi</i>	<i>280,000,750</i>		<i>286,550,750</i>		<i>Trên 1 năm</i>
Cộng	1,953,177,929	472,725,090	2,030,790,849	543,788,010	

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường		-		
- Nguyên liệu, vật liệu	24,640,172,796	361,455,149	1,752,328,701	468,271,397
- Công cụ, dụng cụ	886,099,697		639,438,773	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,877,217,218	-	-	
- Thành phẩm	857,928,985		26,858,876,334	988,045,019
- Hàng hoá	2,230,000		2,230,000	
- Hàng gửi đi bán				
Cộng:	28,263,648,696	361,455,149	29,252,873,808	1,456,316,416

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</i>	<i>682,843,977</i>	<i>682,843,977</i>	<i>457,474,841</i>	<i>457,474,841</i>
Vườn ươm giống tại NTCS HB2	682,843,977	682,843,977	457,474,841	457,474,841
Vườn ươm giống tại NTCS PP				
<i>b. Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>50,419,720,231</i>	<i>50,419,720,231</i>	<i>41,834,409,344</i>	<i>41,834,409,344</i>
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình 2	10,067,532,174	10,067,532,174	9,328,288,755	9,328,288,755
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	39,998,846,884	39,998,846,884	32,448,211,498	32,448,211,498
HTXLNT-Nhà máy CBMCS Bầu Non	353,341,173	353,341,173		
Chi phí xây dựng cơ bản khác			57,909,091	57,909,091
Cộng:	51,102,564,208	51,102,564,208	42,291,884,185	42,291,884,185

01
 N
 P
 AC
 NI
 B

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
 Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	39,647,353,784	21,047,141,479	3,653,103,507	1,092,022,320	54,373,682,677	119,813,303,767
- Mua trong năm		32,727,273	67,000,001			99,727,274
- Đầu tư XD CB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán		4,869,298,695			10,962,133,124	15,831,431,819
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	39,647,353,784	16,210,570,057	3,720,103,508	1,092,022,320	43,411,549,553	104,081,599,222
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28,256,955,000	13,092,412,640	3,524,908,123	1,046,859,516	15,233,157,215	61,154,292,494
- Khấu hao trong năm	1,129,506,808	780,891,456	44,210,854	14,701,364	899,907,887	2,869,218,369
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán		2,711,930,395			6,916,448,382	9,628,378,777
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	29,386,461,808	11,161,373,701	3,569,118,977	1,061,560,880	9,216,616,720	54,395,132,086
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	11,390,398,784	7,954,728,839	128,195,384	45,162,804	39,140,525,462	58,659,011,273
- Tại ngày cuối kỳ	10,260,891,976	5,049,196,356	150,984,531	30,461,440	34,194,932,833	49,686,467,136

2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Quyền phát hành</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	340,000,000	-	340,000,000
- Mua trong năm						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	340,000,000	-	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm				28,333,334		28,333,334
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	28,333,334	-	28,333,334
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	340,000,000	-	340,000,000
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	311,666,666	-	311,666,666

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	9,001,551,156	3,498,458,216	5,503,092,940
- Tiền thuê đất chờ phân bổ	-	2,567,811,545	419,578,422	2,148,233,123
- Chi phí khấu hao chờ phân bổ	-	2,521,959,117	1,056,417,129	1,465,541,988
- Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	-	1,355,364,987	587,660,615	767,704,372
- Chi phí khác	-	2,556,415,507	1,434,802,050	1,121,613,457
b. Chi phí trả trước dài hạn	354,446,171	110,050,000	183,616,037	280,880,134
- Chi phí khác	354,446,171	110,050,000	183,616,037	280,880,134
Cộng	354,446,171	9,111,601,156	3,682,074,253	5,783,973,074

14. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP BVTV Sài Gòn	192,983,773	192,983,773	250,396,571	250,396,571
Viện nghiên cứu cao su Việt Nam	44,207,100	44,207,100		
Công ty TNHH TMDV Hoa Anh Đào	898,326,250	898,326,250		
Công ty TNHH Lê Danh	256,320,000	256,320,000		
Nguyễn Thành Trung	31,740,000	31,740,000	31,740,000	31,740,000
Huỳnh Thị Thủy	29,210,000	29,210,000		
Trần Trọng Phước	1,125,000,000	1,125,000,000		
Châu Văn Ngọc	381,118,500	381,118,500		
Cửa hàng Vương Hằng	16,575,000	16,575,000		
Công ty TNHH SXTMDV Hoàn Kim Châu	45,045,880	45,045,880		
Công ty TNHH TM&KT Nguyễn Đức Thịnh	18,082,680	18,082,680		
Công ty TNHH Tín Thành			191,275,000	191,275,000
Công ty TNHH Hiếu Nghĩa	80,000	80,000	80,000	80,000
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc			245,295,000	245,295,000
Công ty TNHH TMDV Cơ Điện Kiến Hùng	25,080,000	25,080,000		
Công ty TNHH TMDV Ni Việt	14,280,000	14,280,000		
Công ty TNHH NN Xanh Và Xanh	214,544,000	214,544,000		
Công ty TNHH TMDVKT Song Nguyên	500,000	500,000		
Đền Cơ Huỳnh			1,600,000	1,600,000
Nguyễn Thị Nga	161,116,293	161,116,293	216,016,032	216,016,032
Nguyễn Thị Hạnh	128,221,105	128,221,105	156,870,350	156,870,350
Nguyễn Thị Tuyết	192,069,320	192,069,320	260,756,320	260,756,320
Phan Thị Thu Tuyết	212,757,882	212,757,882	172,384,674	172,384,674
DNTN TMDV NS Nguyễn Đại Dương	5,507,218,000	5,507,218,000		
Công ty TNHH Thuận Thành	11,752,746,000	11,752,746,000		
DNTN Bá Phúc	67,350,919	67,350,919	73,350,919	73,350,919
Công ty TNHH Vạn Phúc	629,789,595	629,789,595	629,789,595	629,789,595
Công ty TNHH Thạch Bằng	96,026,750	96,026,750	120,026,750	120,026,750
Công ty TNHH TM SX Mỹ Nông	(1,430,335)	(1,430,335)	(1,430,335)	(1,430,335)
Cộng	22,038,958,712	22,038,958,712	2,348,150,876	2,348,150,876
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				

142
TY
.N
U
BÁI
1A-V

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty CP TM-CV-DL Cao su	632,600,000	632,600,000
- Công ty TNHH SX TM Long Hải Phát		919,090,000
Cộng	632,600,000	1,551,690,000

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối năm
a) Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	284,503,737	1,817,102,293	(1,911,715,516)	189,890,514
Thuế Tài nguyên	805,800	1,669,520	(2,041,520)	433,800
Cộng	285,309,537	1,818,771,813	(1,913,757,036)	190,324,314
b) Phải thu				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1,738,312,853	846,776,255	(3,346,727,061)	761,637,953
Thuế Thu nhập cá nhân	6,665,705	262,000,063	(396,402,785)	127,737,017
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(13,541,873,741)	20,417,828	(2,411,406,251)	15,932,862,164
Cộng	(11,796,895,183)	1,129,194,146	(6,154,536,097)	16,822,237,134

17. Phải trả người lao động	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền lương phải trả công nhân viên	1,610,064,084	6,574,982,694
Cộng	1,610,064,084	6,574,982,694

18. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	21,132,900,064	14,405,535,519
Tiền ăn giữa ca	-	143,689,000
- NTCS Phong Phú	-	35,516,000
- NTCS Hòa Bình	-	90,961,000
- Nhà máy CBM Bàu Non	-	11,570,000
- Nhà máy CBM Phong Phú	-	5,642,000
Tiền thuê đất	20,432,585,064	14,206,846,519
- NTCS Hòa Bình 2	16,946,185,488	11,649,624,488
- NTCS Phong Phú	3,486,399,576	2,557,222,031
Chi phí thuê xe	24,000,000	
Chi phí kiểm toán BCTC 06 tháng	50,000,000	55,000,000
Trợ cấp thôi việc	626,315,000	
b) Dài hạn		
Cộng	21,132,900,064	14,405,535,519

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

19. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>1,870,745,482</i>	<i>1,410,984,366</i>
- Kinh phí công đoàn	29,139,294	
- Bảo hiểm	45,217,450	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	270,730,000	282,241,300
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1,138,281,268	1,104,176,268
- Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247,426,902	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	139,950,568	24,566,798
<i>b) Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Lãi vay		
- Các khoản khác		
Cộng	1,870,745,482	1,410,984,366

20. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ tiền đầu tư NT Cà phê khi nhận bàn giao		247,426,902
Cộng		247,426,902

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Sử dụng quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	2,122,381,888	1,539,122,230	1,949,000,000	1,712,504,118
- Quỹ phúc lợi	171,795,416	1,026,081,487	333,930,000	863,946,903
- Quỹ phúc lợi hình thành tài sản	38,106,180	-	15,492,556	22,613,624
- Quỹ khen thưởng ban điều hành		184,400,000	84,400,000	100,000,000
Cộng	2,332,283,484	2,749,603,717	2,382,822,556	2,699,064,645

22. Vốn chủ sở hữu

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	192,500,000,000	77,774,987,439	45,942,133,235	316,217,120,674
- Tăng vốn trong năm trước				-
- Lãi trong năm trước			17,501,358,112	17,501,358,112
- Tăng khác			286,495,470	286,495,470
- Giảm vốn trong năm trước				-
- Lỗ trong năm trước				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		7,453,114,933	(7,453,114,933)	-
- Trích lập quỹ KT, PL			(4,721,800,308)	(4,721,800,308)
- Chia cổ tức			(26,950,000,000)	(26,950,000,000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(629,573,374)	(629,573,374)
Số dư cuối năm trước	192,500,000,000	85,228,102,372	23,975,498,202	301,703,600,574
Số dư đầu năm nay	192,500,000,000	85,228,102,372	23,975,498,202	301,703,600,574
- Tăng vốn trong năm nay				-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

- Lãi trong năm nay			8,324,328,187	8,324,328,187
- Tăng khác		1,049,089,367		1,049,089,367
- Giảm vốn trong năm nay				-
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		2,565,203,717	(2,565,203,717)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi			(2,565,203,717)	(2,565,203,717)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(100,000,000)	(100,000,000)
- Chia cổ tức			(9,625,000,000)	(9,625,000,000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(400,000,000)	(400,000,000)
Số dư cuối kỳ	192,500,000,000	88,842,395,456	17,044,418,955	298,386,814,411

<i>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cổ đông nhà nước (51%)	98,175,000,000	98,175,000,000
- Cổ đông khác (49%)	94,325,000,000	94,325,000,000
Cộng	192,500,000,000	192,500,000,000

<i>c) Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,250,000	19,250,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,250,000	19,250,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19,250,000</i>	<i>19,250,000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19,250,000	19,250,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19,250,000</i>	<i>19,250,000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10,000 VND**

23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)	2,512.41	2,511.13
Nợ khó đòi đã xử lý		

50
CỔ
C.
HỒ
4-7

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su thành phẩm	33,333,435,000	22,383,570,000
Doanh thu bán mũ cao su tạp	784,562,500	329,700,000
Doanh thu gia công mũ	233,796,000	189,122,400
Doanh thu gia công điều nhân	5,529,733,400	5,328,620,000
Doanh thu bán nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi	35,534,286	2,633,648,546
Cộng	39,917,061,186	30,864,660,946

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
Cộng:	0	0

3. Giá vốn hàng bán	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su thành phẩm	33,938,613,207	21,347,176,470
Giá vốn bán mũ cao su tạp	639,474,059	262,974,000
Giá vốn chi phí gia công mũ	220,340,459	185,006,444
Giá vốn bán thức ăn gia súc	58,479,431	3,196,753,308
Giá vốn chi phí gia công điều nhân	5,236,559,079	4,121,185,186
Giá vốn khác		139,676,249
Cộng	40,093,466,235	29,252,771,657
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho	(1,004,208,754)	1,043,240,423
Cộng	39,089,257,481	30,296,012,080

4. Doanh thu hoạt động tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2,402,643,266	4,218,605,285
Cổ tức, lợi nhuận được chia		4,491,335,261
Cộng:	2,402,643,266	8,709,940,546

31
 NC
 P
 AC
 NC
 B1

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

5. Chi phí tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng:	0	0

6. Chi phí bán hàng	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bốc xếp mù	39,742,680	7,032,000
Chi phí tiêu thụ điều nhân		76,884,030
Chi phí tiêu thụ thức ăn gia súc		9,979,713
Cộng	39,742,680	93,895,743

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	2,659,097,347	2,623,228,724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132,697,284	119,947,421
Chi phí trả trước dài hạn	21,936,733	30,365,250
Chi phí trợ cấp mất việc làm	948,501,500	1,201,845,875
Thuế, phí và lệ phí	13,990,521	9,000,000
Chi phí bằng tiền	1,136,454,012	1,044,049,785
Chi phí trích trước	194,000,000	295,000,000
Hoàn nhập dự phòng, quỹ lương dự phòng	(100,000,000)	(751,067,555)
Cộng	5,006,677,397	4,572,369,500

8. Thu nhập khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	23,825,700,709	10,602,794,620
Thu phí phơi điều		211,194,440
Thu khác	58,402,000	65,626,968
Cộng	23,884,102,709	10,879,616,028

9. Chi phí khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý	6,547,813,053	2,046,088,515
Các khoản bị phạt	6,290,496	47,332,079
Chi phí khấu hao tài sản	227,402,746	
Thuế GTGT không được khấu trừ	183,332,625	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chi phí phơi điều		210,755,042
Chi phí khác	4,883,096,874	
Cộng	11,847,935,794	2,304,175,636

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,220,193,809	13,187,764,561
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	5,122,790,116	53,332,079
- Các khoản điều chỉnh giảm		4,491,335,261
Tổng thu nhập chịu thuế	15,342,983,925	8,749,761,379
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính	3,375,456,463	1,924,947,504
Thuế thu nhập được miễn	1,479,590,841	-
- Theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP	1,479,590,841	
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1,895,865,622	1,924,947,504

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8,324,328,187	11,262,817,057
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	8,324,328,187	11,262,817,057
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19,250,000	19,250,000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	432	585
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu		

12. Chi phí SXKD theo yếu tố	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,095,132,875	
- Chi phí nhân công	9,070,960,655	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,252,552,813	
- Chi phí khác	6,897,977,457	
Cộng	19,316,623,800	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng
Hội đồng quản trị		84,400,000	120,000,000	204,400,000
Ban Kiểm soát			21,000,000	21,000,000
Ban Giám đốc, KTT	730,954,142	51,000,000		781,954,142
Cộng	730,954,142	135,400,000	141,000,000	1,007,354,142

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (đồng)
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn	
- Bán cây cao su gãy đổ		62,160,000
Công ty TNHH PBHC Bách Tùng	Giám đốc là HĐQT	
- Mua phân		450,120,000
Công ty TNHH Lê Danh	Giám đốc là vợ CT.HĐQT	
- Mua dầu, nhớt		587,920,000
Châu Thị Hồng Điệp	Vợ CT.HĐQT kiêm TGD	
- Gia công mũ		8,828,610
- Mua mũ cao su		518,347,500
Nguyễn Văn Thoại	Thành viên HĐQT	
- Thuê xe		144,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

⇒ Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Châu Thị Hồng Điệp	4,194,750	56,038,290

⇒ Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyễn Văn Thoại	24,000,000	0

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”(1):

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 03 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến mù cao su và gỗ Bàu Non và Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú; Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế, kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	VĂN PHÒNG CÔNG TY	XÍ NGHIỆP PHƯỚC HƯNG	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)
1, Doanh thu thuần	34,387,327,786	5,529,733,400	39,917,061,186
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			
3. Khấu hao	2,716,142,839	165,916,308	2,882,059,147
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10,096,175,978	124,017,831	10,220,193,809
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	8,685,038,161		8,685,038,161
6. Tài sản bộ phận	324,295,944,162	24,265,527,550	348,561,471,712
7. Tài sản không phân bổ			
Tổng Tài sản	324,295,944,162	24,265,527,550	348,561,471,712
8. Nợ phải trả bộ phận	31,768,709,570	18,405,947,731	50,174,657,301
9. Nợ phải trả không bộ phận			
Tổng Nợ phải trả	31,768,709,570	18,405,947,731	50,174,657,301

Ghi chú:

- Cột 6: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của năm 2014 so với số đầu năm của Báo cáo tài chính quý 02 năm 2015):

- Chuyển khoản mục Đầu tư ngắn hạn (121) sang Phải thu về cho vay ngắn hạn (135) số tiền 10,000,000,000 đồng
- Chuyển khoản mục Hàng tồn kho (141) sang Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn (241) số tiền 457,474,841 đồng.
- Chuyển khoản mục Tài sản ngắn hạn khác (158) sang Phải thu ngắn hạn khác (136) số tiền 626,139,933, đồng
- Chuyển khoản mục Vay và nợ ngắn hạn (311) sang Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (320) số tiền 247,426,902 đồng
- Chuyển khoản mục Quỹ dự phòng tài chính (418) sang Quỹ đầu tư phát triển (418) số tiền 14,104,995,493 đồng

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác: Căn cứ tại Điểm 3.2, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính " Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình rõ nguyên nhân trong Báo cáo tài chính quý đó. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ thì phải giải trình rõ các nguyên nhân đó trong cả Báo cáo kết quả kinh doanh công ty mẹ và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất; trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân trong cả Báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn và Báo cáo tài chính tổng hợp"

Căn cứ quy định trên, Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất xin giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 02/2015 là 2,827,644,671 đồng giảm hơn so với quý 02/2014 là 8,394,543,512 đồng tương ứng với mức giảm là 74,8%. Nguyên nhân:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm: 5,950,303,386 đồng: Nguyên nhân trong quý 02/2014 Công ty nhận được cổ tức năm 2013 do Công ty CP DV XNK NLS và Phân Bón Bà Rịa chi trả số tiền là 4,491,335,261 đồng; lãi suất tiền gửi giảm.
- Lợi nhuận khác giảm: 3,869,164,719 đồng;

Bà Rịa, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Nhật Thành Lâm

Nguyễn Hữu Mạnh Nhung

Lê Văn Lợi